

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 2790.../BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp sản phẩm dinh dưỡng phục vụ pha chế súp, sữa theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng phục vụ pha chế súp, sữa năm 2024-2025.

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 12 tháng.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

• Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM.

• Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 09 giờ, ngày 27/6/2024.

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TPHCM.

Người liên hệ: Bà Lê Thị Hằng Số điện thoại: 028 39525247

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M97-005-lthang)(02).



BM:CVĐT.01(1)

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số 2.790./BVĐHYD-VTTB ngày 20 tháng 6 năm 2024.)

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1.	Thực phẩm dinh dưỡng tăng cường miễn dịch bổ sung Agrinin	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Arginin: $\geq 16g$ - Glutamin: $\geq 16g$ - Kẽm: $\geq 10mg$ - Quy cách đóng gói 15-25g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dành cho bệnh nhân bỏng, phẫu thuật, loét.	Gói	12.744
2.	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho bệnh thận mạn	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 160kcal$ - Chất đạm: $\leq 4g$ - Chất béo: $\geq 7g$ - MCT: $\geq 1.5g$ - K (Potassium): $\leq 180mg$ - Phot pho: $\leq 100mg$ - Thành phần tối thiểu gồm: Isomaltulose, dầu thực vật (dầu hạt cải, dầu hướng dương, ..không có dầu cọ, dầu dừa), đạm sữa hoặc đạm đậu nành. - Quy cách đóng gói: 200-220ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng chuyên biệt bệnh suy thận cấp hoặc mạn tính.	Chai/ Hộp/Gói	1.900
3.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm cao, năng lượng cao	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 200kcal$ - Chất béo: $\geq 7g$ - Chất đạm: $\geq 9g$ - Acid béo bão hòa: $\leq 1.2g$ - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrin, protein sữa, dầu thực vật, (dầu hướng dương, dầu hạt cải..không có dầu cọ, dầu dừa), chất xơ - Quy cách đóng gói: 200-220ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dành cho bệnh suy dinh dưỡng hoặc nguy cơ suy dinh dưỡng.	Chai/ Hộp/ Gói	2.100
4.	Thực phẩm dinh dưỡng tăng cường miễn dịch bổ sung Glutamin	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Glutamin: $\geq 30g$ - Chất béo: $\leq 1g$ - Lactose: $\leq 1g$ - Vitamin C: 0.5g - 1.6g - Vitamin E: 220mg - 520mg - Thành phần tối thiểu gồm: Glutamin, đường, chất xơ, vitamin C, vitamin E - Quy cách đóng gói: 15-25g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dành cho bệnh nhân có nhu cầu cao về glutamin (bỏng, chấn thương, phẫu thuật,).	Gói	480

2/2

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
5.	Sản phẩm bổ sung dinh dưỡng dành cho bệnh gan	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 100 kcal - Chất béo: ≥ 3.5g - Acid béo bão hòa ≤ 2.3g - Chất đạm: ≥ 3g, acid amin phân nhánh ≥ 1.5g - Bột đường (carbohydrat): ≥ 13.5g - MCT: ≥ 1.15g - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrin, đạm sữa hoặc đạm đậu nành, dầu thực vật (dầu đậu nành, dầu hạt cải), acid amin nhánh (L-leucin, L-iso leusin, L-valin) - Quy cách đóng gói: 200-220ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dành cho bệnh suy gan cấp hoặc mạn tính.	Chai/Hộp/Gói	500
6.	Sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng giàu đạm kiềm soát kali	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 160kcal - Chất đạm: ≥ 6g - K (Potassium): ≤ 128mg - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrin, dầu hạt cải, dầu hướng dương, đạm sữa hoặc đạm đậu nành. - Quy cách đóng gói: 200-220ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành bệnh nhân suy thận, suy dinh dưỡng hoặc suy tim.	Chai/ Hộp/ Gói	840
7.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm thủy phân (sản phẩm dinh dưỡng y học)	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 350kcal - Chất đạm: ≥ 14g - Chất bột đường: ≤ 70g - Thành phần tối thiểu gồm: + Đạm Whey thủy phân ($\geq 20\%$) + Chất béo MCT: ≥ 10g - Quy cách đóng gói: 400-450g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh kém hấp thu	Hộp/ Lon/ Gói	6.900
8.	Sản phẩm dinh dưỡng tăng cường miễn dịch	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 330kcal - Chất đạm: ≥ 18g - MCT: ≥ 2.4g - Omega 3: ≥ 0.88g - L-arginin: ≥ 3600mg - Nucleotides: ≥ 320mg - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrin, đạm whey, dầu cá, L-arginin. - Quy cách đóng gói: 70-75g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh trước, sau phẫu thuật hoặc ung thư.	Gói	3.600
9.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm thủy phân dành cho	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 410kcal - Chất đạm: ≥ 13.5g	Hộp/ Gói/	50

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
	trẻ nhỏ	Chất béo: $\geq 14g$ - MCT: $\geq 7g$ - Thành phần tối thiểu gồm: + Đạm Whey thủy phân (từ sữa bò) + Hỗn hợp vitamin, khoáng chất - Quy cách đóng gói: 400-450g- Thực phẩm dinh dưỡng y học dành cho trẻ từ 1-10 tuổi, có hệ tiêu hóa yếu.	Lon	
10.	Sản phẩm dinh dưỡng cho bệnh lý gan mật	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: $\geq 320kcal$ - Chất đạm: $\geq 12g$ - Chất béo: $\leq 25g$ - Chất bột đường: $\leq 80g$ - Thành phần tối thiểu gồm: + Đạm Whey, MCT (medium chain triglycerides) + Acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Methionin). - Quy cách đóng gói: 400-450g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dành cho người bệnh gan hoặc suy gan	Lon/ Hộp/ Gói	60
11.	Sản phẩm dinh dưỡng giảm đạm	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g : - Năng lượng: $\geq 400kcal$ - Chất đạm: $\leq 12g$ - Chất béo: 16 - 18g - K (Potassium): $\leq 375mg$ - Thành phần tối thiểu gồm: + Đạm sữa hoặc có chứa các acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Methionin) + Đường hấp thu chậm Palatinose (Isomaltulose) - Quy cách đóng gói: 400-450g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng chuyên biệt dành cho người bệnh suy thận.	Hộp/ Lon/ Gói	650
12.	Sản phẩm dinh dưỡng giàu đạm	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: $\geq 400 kcal$ - Chất đạm: $\geq 16g$ - Chất béo: 15 -17 g - K (Potassium): $\leq 375mg$ - Thành phần tối thiểu gồm: + Đạm sữa hoặc có chứa các acid amin cần thiết (Arginine, Glutamic acid, Leucine, Methionin) + Đường hấp thu chậm Palatinose (Isomaltulose) - Quy cách đóng gói: 400-450g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng chuyên biệt dành cho người bệnh suy thận	Hộp/ Lon/ Gói	280
13.	Sản phẩm dinh dưỡng dùng pha chế súp dành cho người bệnh đái tháo đường	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: $\geq 350kcal$ - Chất đạm: $\geq 17g$ - Chất bột đường: $\leq 65g$ - Chỉ số đường huyết GI ≤ 40 - Thành phần tối thiểu gồm: Đường hấp	Hộp/ Gói/ Lon	420

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		thu chậm Palatinose hoặc Isomaltulose- Quy cách đóng gói: 400-450g- Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng cho người bệnh đái tháo đường, tiền đái tháo đường, hoặc đái tháo đường thai kỳ.		
14.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm thủy phân hàm lượng đạm cao năng lượng cao	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 135\text{kcal}$ - Chất đạm: $\geq 6.0\text{g}$ - Chất bột đường: $\leq 19.0\text{g}$ - Chất béo: $\geq 5\text{g}$ - Thành phần tối thiểu gồm: + Đạm sữa thủy phân + Chất béo MCT - Quy cách đóng gói: 200-220ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dùng cho người bệnh kém hấp thu	Chai/ Hộp/Gói	3.200
15.	Sản phẩm dinh dưỡng có HMB	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml: - Năng lượng: $\geq 135\text{ kcal}$ - Chất đạm: $\geq 8\text{g}$ - HMB: $\geq 0.4\text{g}$ - Chất xơ: $\geq 0.6\text{g}$ - Thành phần tối thiểu gồm: đạm sữa hoặc đạm đậu nành, dầu thực vật (không có dầu cọ, dầu dừa), CaHMB, chất xơ - Quy cách đóng gói: 220-250mL - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dùng cho người lớn bị suy dinh dưỡng, nguy cơ suy dinh dưỡng	Chai/ Hộp/Gói	4.000
16.	Sản phẩm dinh dưỡng giàu béo omega 3	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: $\geq 360\text{kcal}$ - Chất đạm: $\geq 19\text{g}$ - DHA: $\geq 0,5\text{g}$ - EPA: $\geq 1\text{g}$ - Chất bột đường: $\leq 70\text{g}$ - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrin, đạm sữa hoặc đạm đậu nành, dầu cá biển - Quy cách đóng gói: 380-400g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dùng cho người có nguy cơ sụt cân hoặc suy mòn.	Hộp /Lon/ Gói	598
17.	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ sinh non, nhẹ cân từ 0-12 tháng tuổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml: - Năng lượng: $\geq 78\text{ kcal}$ - Chất đạm: $\geq 2.2\text{g}$ - Chất béo: $\leq 5.0\text{g}$ - Chất bột đường: $\leq 9\text{g}$ - Thành phần tối thiểu gồm: sữa không béo, dầu đậu nành, lactose, dầu MCT (Triglycerid chuỗi trung bình) đạm whey cô đặc. - Quy cách đóng gói: 50-60ml - Sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ sinh non, nhẹ cân từ 0 - 12 tháng tuổi	Ông/ Chai/Hộp/Gói	1.900

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
18.	Sản phẩm bổ sung dinh dưỡng dành cho người bệnh đái tháo đường	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 430 kcal - Chất đạm: ≥ 17g - Chất bột đường: ≤ 55g - Inositol: ≥ 1.400 mg - Thành phần tối thiểu gồm: Dầu thực vật (không có dầu cọ, dầu dừa), đạm (đạm đậu nành hoặc đạm sữa). - Quy cách đóng gói: 380-400g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường hoặc đái tháo đường thai kỳ)	Hộp/ Lon/ Gói	950
19.	Sữa sử dụng cho trẻ sơ sinh từ 0-6 tháng tuổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml: - Năng lượng: ≥ 63 kcal - Chất đạm: ≥ 1.2g - Chất béo: ≤ 3.6g - Chất bột đường: ≤ 7g - 5 HMO: ≥ 240 mg - Thành phần tối thiểu gồm: lactose, dầu thực vật, sữa không béo, đạm whey cô đặc - Quy cách đóng gói: 58-60ml - Thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh từ 0-6 tháng tuổi	Chai/ Ông/Hộp	500
20.	Bột cô đặc thực phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 270kcal - Protein: ≤ 0.5g - Chất béo: 0g - Đường: ≥ 67g - Lượng muối: ≤ 2.4g - Thành phần tối thiểu gồm: Dextrin, Xanthan gum. - Quy cách đóng gói: 300-330g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dành cho người rối loạn nuốt	Hộp/ Lon/ Gói	110
21.	Bột cô đặc thực phẩm	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: + Năng lượng: ≥ 270kcal + Protein: ≤ 0.5g + Chất béo: 0g + Đường: ≥ 67g + Lượng muối ≤ 2.4g - Thành phần tối thiểu gồm: Dextrin, Xanthan gum. - Quy cách đóng gói: 3-5g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dành cho người rối loạn nuốt	Gói	10.000
22.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm nhánh	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g : - Năng lượng: ≥ 330 kcal - Chất béo: 5 - 9g - Chất đạm: ≥ 20g - Valin: 2.6 - 4g - Leusin: 3.2 - 5g - Isoleusin: 2.8 - 4.5g - Thành phần tối thiểu gồm: Acid amin, maltodextrin, dầu. - Quy cách đóng gói: 50-100g - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực	Gói/ Hộp	770

vu

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		phẩm dinh dưỡng dành cho bệnh nhân suy gan hoặc bệnh gan		
23.	Sản phẩm dinh dưỡng nuôi ăn dành cho đối tượng không dung nạp đạm sữa, cần tăng đạm	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 100 kcal - Chất đạm: ≥ 5 g - Chất béo: ≥ 3 g - Thành phần tối thiểu gồm: chất đạm (ức gà/thịt bò/thịt heo/cá/tôm....), gạo lứt, đậu xanh, chất xơ inulin, dầu đậu nành. - Quy cách đóng gói: 220-250ml	Chai/ Hộp/ Gói	1.800
24.	Sản phẩm bột Maltodextrin	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Hàm lượng Carbohydrate: $\geq 85\%$ - Quy cách đóng gói: 400-450g	Hộp/ Lon/ Gói	1.680
25.	Bột MCT	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 730 kcal - Chất béo: $\geq 67\%$ - Thành phần: MCT - Quy cách đóng gói: 200 - 220g	Hộp/ Lon/ Gói	350
26.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm đậu nành	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 380 kcal - Chất đạm: ≥ 14 g - Chất bột đường: ≤ 70 g - Thành phần tối thiểu gồm: + Đạm đậu nành (không chứa đạm sữa) + Chất béo thực vật MCT (medium chain triglycerides) - Quy cách đóng gói: 400-450g	Hộp/ Lon/ Gói	2.200
27.	Sản phẩm bột dinh dưỡng cao năng lượng (ngũ cốc)	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 380 kcal - Chất đạm: ≥ 14 g - Chất bột đường: ≤ 75 g - Thành phần tối thiểu gồm: Gạo, bột mỳng đại mạch, các loại đậu như đậu xanh, đậu nành... - Quy cách đóng gói: 400-450g	Hộp/ Lon/ Gói	3.500
28.	Sản phẩm bột dinh dưỡng cao năng lượng giàu chất xơ (ngũ cốc)	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 380 kcal - Chất đạm: ≥ 15 g - Chất bột đường: ≤ 70 g - Thành phần tối thiểu gồm: gạo lứt, bột mỳng đại mạch, các loại đậu như đậu nành, đậu xanh... - Quy cách đóng gói: 400-450g	Hộp/ Lon/ Gói	2.000
29.	Sản phẩm dinh dưỡng đậm whey	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: ≥ 380 kcal - Chất đạm: ≥ 75 g - Chất bột đường: ≤ 8.5 g - Thành phần tối thiểu gồm: Đạm Whey tinh chế ($\geq 80\%$). - Quy cách đóng gói: 300-350g	Hộp/ Lon/ Gói	1.500

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
30.	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh suy dinh dưỡng	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 230 kcal - Chất béo: ≥ 9g - Chất đạm: ≥ 12g - Bột đường: ≥ 24g - Thành phần tối thiểu gồm: đạm sữa, maltodextrin, sucrose, dầu thực vật (không có dầu cọ), không chứa lactose. - Quy cách đóng gói: 100-150ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh suy dinh dưỡng.	Chai/Hộp/ Gói	1.300
31.	Sản phẩm bổ sung dinh dưỡng dành cho bệnh đái tháo đường pha sẵn	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 150 kcal - Chất béo: ≥ 5g - Chất đạm: ≥ 7g - Bột đường: ≤ 15g - Lactose: ≤ 0.5g - GI <30 - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrin, protein sữa, dầu thực vật (dầu hạt cải, dầu hướng dương, ..không có dầu cọ), chất xơ - Quy cách đóng gói: 200-220ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành cho bệnh đái tháo đường hoặc tiền đái tháo đường.	Chai/ Hộp/ Gói	600
32.	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh suy thận có dị ứng đạm sữa	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 100 kcal - Chất đạm: <3g - Chất béo: ≥ 3.5g - Thành phần tối thiểu gồm: chất đạm (ức gà/thịt bò/thịt heo/cá/tôm....), gạo, đậu, chất xơ tan (Inulin hoặc FOS), dầu đậu nành. - Quy cách đóng gói: 220-250ml - Thực phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh suy thận, dị ứng đạm sữa.	Chai/ Hộp/ Gói	500
33.	Sản phẩm maltodextrine pha sẵn	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Hàm lượng Carbohydrate: 12-13% - Thành phần tối thiểu gồm: Carbohydrate phức trong đó Maltodextrine $\geq 70\%$, không chứa chất xơ, chất béo, chất đạm - Quy cách đóng gói: 180-200ml	Chai/ Hộp/ Gói	1.000
34.	Sản phẩm dinh dưỡng cao năng lượng giàu đạm, không có chất xơ	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 200 kcal - Chất đạm: ≥ 10g - Chất béo: $\geq 6,6$g - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrine, đạm sữa, dầu thực vật (không có dầu cọ), không có chất xơ. - Quy cách đóng gói: 180-200ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh suy dinh dưỡng hoặc nguy cơ suy dinh dưỡng.	Chai/ Hộp/ Gói	3.960

2/2

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
35.	Sản phẩm túi nuôi ăn dinh dưỡng cao năng lượng giàu đạm	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 200 kcal - Chất đạm: ≥ 10g - Chất béo: ≥ 6.6g - Thành phần tối thiểu gồm: Maltodextrine, đạm sữa, dầu thực vật. - Quy cách đóng gói: 450-500ml bao gồm dây truyền sản phẩm - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành cho người bệnh suy dinh dưỡng hoặc nguy cơ suy dinh dưỡng, nuôi ăn qua ống thông.	Chai/ Hộp/Túi	400
36.	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ sinh non từ 0-12 tháng tuổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 mg: - Năng lượng: ≥ 450 kcal - Chất đạm: ≤ 17g - Chất béo: ≥ 24g - Chất bột đường: ≤ 60g - Thành phần sữa tối thiểu gồm: bột tách béo, dầu đậu nành, lactose, dầu MCT (Triglycerid chuỗi trung bình) đạm whey cô đặc. - Quy cách đóng gói: 380-400g - Thực phẩm dinh dưỡng y học dành cho trẻ sinh non từ 0 - 12 tháng tuổi	Lon/Hộp /Gói	50
37.	Sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ dị ứng đạm sữa từ 0-12 tháng tuổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 mg: - Năng lượng: ≥ 450kcal - Chất đạm: ≤ 15g - Chất béo: ≥ 24g - Chất bột đường: ≤ 60g - Thành phần tối thiểu gồm: dầu thực vật, đạm thủy phân toàn phần từ sữa bò, men vi sinh chủng lactobacillus - Quy cách đóng gói: 380-400g - Thực phẩm dinh dưỡng y học dành cho trẻ dị ứng đạm sữa từ 0-12 tháng tuổi	Lon/Hộp/Gói	12
38.	Sản phẩm dinh dưỡng chuẩn có HMB	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 mg: - Năng lượng: ≥ 430kcal - Chất đạm: ≥ 17.2g - Chất béo: ≥ 12g - Chất bột đường: ≤ 64g - CaHMB $\geq 1,2$ - Thành phần tối thiểu gồm: dầu thực vật, đạm đậu nành hoặc đạm whey tinh chế, CaHMB - Quy cách đóng gói: 350-400g - Thực phẩm dinh dưỡng y học dành cho người lớn ăn uống kém	Lon/Hộp/Gói	200

TT	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
39.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe bổ sung acid amin phân nhánh	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - L-Leucin: $\geq 36g$ - L-Isoleucin: $\geq 19g$ - L-Valine: $\geq 25g$ - Quy cách đóng gói: 10-12 g/gói - Thực phẩm dinh dưỡng cho người lớn và trẻ em bị suy dinh dưỡng thiếu đạm hoặc có sức đề kháng kém hoặc vận động thể lực thường xuyên	Chai/Hộp/Gói	3.600
40.	Sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ kiểm soát đường huyết dạng pha sẵn	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 90 kcal - Chất đạm: $\geq 4g$ - Bột đường: $\geq 10g$ - Inositol: ≥ 300 mg - Thành phần: Dầu thực vật (không có dầu cọ, dầu dừa), đạm (đạm đậu nành hoặc đạm sữa) - Quy cách đóng gói: 200-220ml - Thực phẩm dinh dưỡng y học hoặc thực phẩm dinh dưỡng dành cho bệnh đái tháo đường hoặc tiền đái tháo đường.	Chai/Hộp/Gói	1.000

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá (đã bao gồm thuế GTGT-VND)	Ghi chú ¹

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽¹⁾ ngày kể từ ngày báo giá.

¹: khuyến cáo tối thiểu 06 tháng kể từ ngày chào giá.



BM: CVĐT.03(1)

MIET

- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)